VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Dừng chân trước 1300, VN-Index chờ đợi động lực mới

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đồng Thanh Tuấn tuan.dt@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

MIRAE ASSET Securities

[Tóm tắt]

Nhìn lại diễn biến tuần qua

- **Bối cảnh toàn cầu:**
  - **Trung Quốc:** Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc vừa công bố gói kích thích kinh tế mạnh mẽ nhất kể từ đại dịch COVID-19, nhằm đối phó với áp lực giảm phát và hỗ trợ thị trường bất động sản đang gặp khó khăn. Bên cạnh các chính sách tiền tệ, Trung Quốc đồng thời sử dụng chính sách tài khóa thông qua việc gửi trợ cấp tiền mặt một lần đến nhóm lao động có thu nhập thấp.
- **Trong nước:**
  - **Tỷ giá USD/VND**: Tính đến ngày 27/09, tỷ giá niêm yết bán tại Vietcombank ghi nhận 24.760, tương ứng với mất giá tính từ đầu năm khoảng 1,39%. Tỷ giá đã dần trở nên ổn định sau chuỗi ngày hạ nhiệt liên tiếp kể từ cuối tháng 7 năm nay.
  - **Trái phiếu chính phủ:** Kho bạc Nhà nước đã huy động thành công 9.650 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 77% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt 2,38x.
- **Thị trường chứng khoán Việt Nam:**
  - VN-Index ghi nhận tuần tăng điểm thứ hai liên tiếp với mức tăng gần 19 điểm và đóng cửa tại 1.290,92 (+1,48% WoW).
  - Diễn biến phân hóa giữa các nhóm ngành càng trở nên hiện hữu khi riêng nhóm Ngân hàng đã đóng góp hơn 16 điểm đối với đà tăng chung của VN-Index. Trong khi đó, giá trị giao dịch (GTGD) khớp lệnh bình quân mỗi phiên đạt khoảng 16 nghìn tỷ đồng (+21% WoW) và đồng thời ghi nhận tuần giao dịch có GTGD lớn nhất kể từ cuối tháng 7.
  - Khối ngoại bán ròng 0,48 nghìn tỷ đồng, chủ yếu đến từ thương vụ thoái vốn của Commonwealth Bank of Australia (CBA) đối với cổ phiếu VIB sau khi bán thỏa thuận hơn 148 triệu cổ phiếu, tương ứng gần 2,7 nghìn tỷ đồng trong tuần qua.
  - **Triển vọng:** VN-Index tiếp tục gặp áp lực chốt lời ngay khi tiến đến vùng cản tâm lý 1.300 điểm song áp lực chốt lời vẫn chưa thực sự mạnh mẽ. Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ trở lại kiểm định vùng hỗ trợ tại 1.280 điểm trước khi một lần nữa chinh phục vùng cản 1.300 điểm.

Thông tin cần theo dõi trong tuần tới

- **Phát biểu của Chủ tịch Fed Jerome Powell.**
- **Tỷ lệ thất nghiệp và Bảng lương phi nông nghiệp của Mỹ.**

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VN-Index	1.290,92	1,48%
Mỹ	S&P 500	5.738,17	0,62%
Canada	TSX	23.956,82	0,37%
Nhật	Nikkei 225	39.829,56	5,58%
Trung Quốc	SHCOMP	3.087,529	12,81%
Hồng Kông	Hang Seng	20.632,3	13%
Đài Loan	TWSE	22.822,79	2,99%
Hàn Quốc	KOSPI	2.649,78	2,18%
Ấn Độ	SENSEX	85.571,85	1,22%
Indonesia	JCI	7.696,916	-0,60%
Thái Lan	SET	1.450,15	-0,11%
Singapore	STI	3.573,36	-1,42%
Malaysia	FBMKLCI	1.660,09	-0,52%
Philippines	PSEi	7.428,3	2,43%
UK	FTSE 100	8.320,76	1,10%
Pháp	CAC 40	7.791,79	3,89%
Đức	DAX	19.473,63	4,03%
Ý	IT 40	34.727	0,92%
Tây Ban Nha	ES35	11.968	1,83%
Bồ Đào Nha	PSI 20	6.808,3	1,37%
Nga	MOEX	2.858,56	2,74%
Úc	ASX 200	8.212,24	0,03%
New Zealand	NZX 50	12.457,41	-0,17%
Brazil	BOVESPA	132.730,36	1,27%
CH Nam Phi	SA40	79.510,6	4,85%
Pakistan	KSE 100	81.299,05	-0,89%
Sri Lanka	Colombo	11.773,88	7,36%

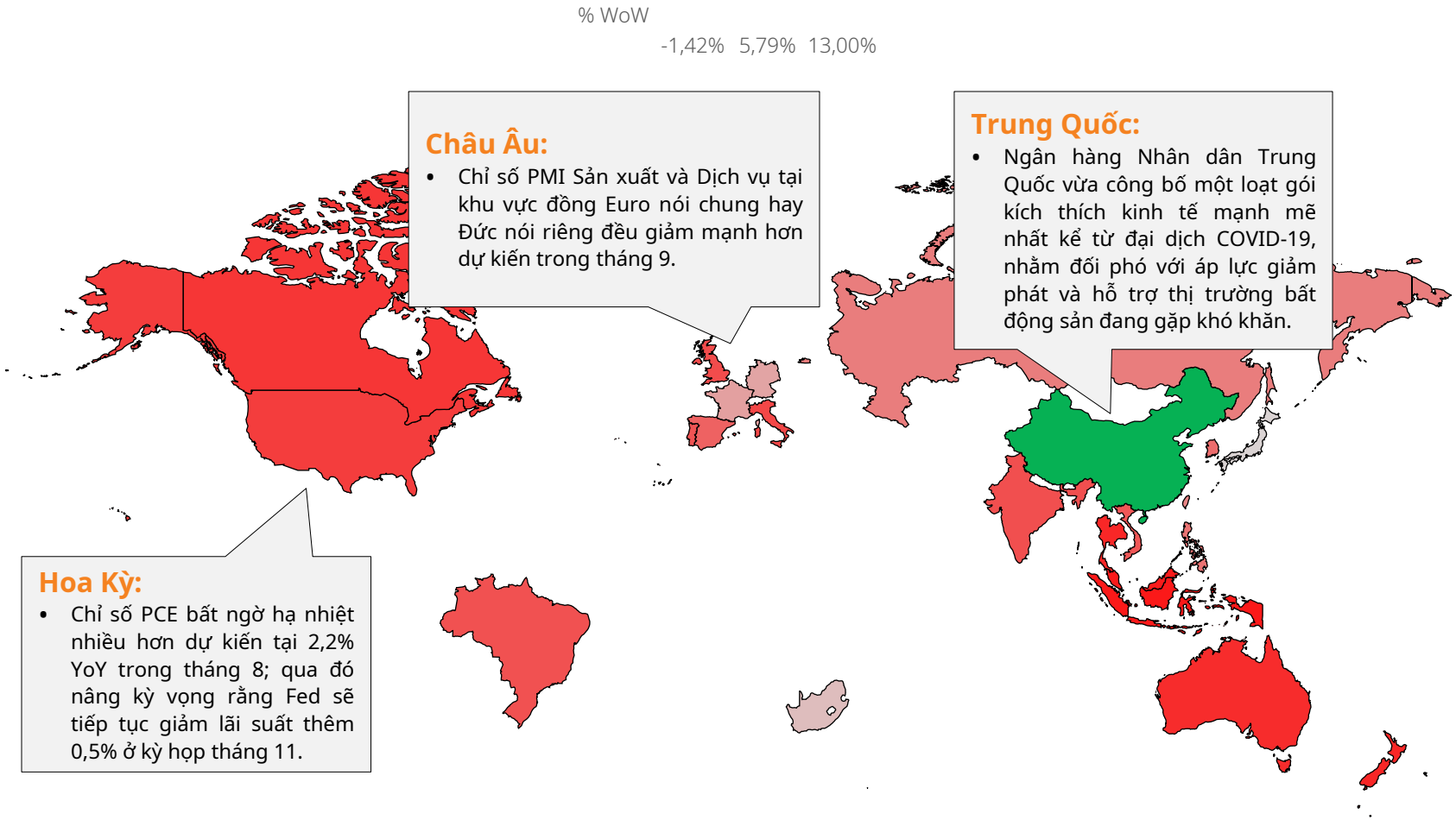

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

Loại hàng hóa	Tên	Đơn vị	Giá (USD)	% DoD	% WoW	% MoM	YTD	% YoY	% 3Y
Kim loại	Vàng	USD/ozt	2.680,8	-0,5%	1,8%	6,1%	28,2%	42,2%	52,5%
	Bạc	USD/ozt	31,9	-1,3%	1,3%	9,5%	31,2%	41,4%	44,6%
	Đồng	USD/Lbs	4,6	-1,1%	5,7%	9,0%	17,8%	22,4%	12,4%
	Platin (bạch kim)	USD/ozt	1.022,0	-1,0%	4,1%	9,6%	2,2%	12,2%	6,2%
	Paladi	USD/ozt	1.016,0	-3,4%	-6,3%	5,5%	-9,1%	-19,7%	-46,4%
	Nhôm	USD/tấn	2.637,0	1,0%	6,1%	7,8%	10,6%	12,4%	-7,8%
	Kẽm	USD/tấn	3.080,0	-0,6%	7,2%	6,3%	15,9%	16,3%	3,1%
	Ni-ken	USD/tấn	17.041,0	1,8%	3,2%	1,6%	2,6%	-8,8%	-5,0%
	Đồng	USD/tấn	4,6	-1,1%	5,7%	9,0%	17,8%	22,4%	12,4%
Năng lượng	Dầu Thô WTI	USD/thùng	68,6	1,4%	-4,6%	-6,7%	-4,2%	-24,4%	-8,5%
	Dầu Brent	USD/thùng	71,5	0,6%	-4,0%	-9,2%	-7,1%	-24,9%	-8,9%
	Khí Tự nhiên	USD/MMBtu	2,9	6,1%	7,4%	16,9%	25,5%	-11,8%	-51,2%
	Dầu Nhiên liệu	USD/gallon	2,2	0,6%	0,2%	-3,8%	-15,1%	-35,6%	-7,5%
Thực phẩm	Lúa mì Hoa Kỳ	USD/100 giạ	580,0	-0,7%	2,0%	5,2%	-7,6%	7,1%	-20,1%
	Thóc	USD/CWT	15,1	1,3%	-2,8%	0,7%	-13,7%	-6,8%	8,3%
	Yến mạch	USD/100 giạ	384,8	1,3%	4,8%	17,0%	0,5%	-16,5%	-31,8%
	Bắp Hoa Kỳ	USD/100 giạ	417,5	1,0%	3,9%	4,1%	-11,4%	-12,4%	-22,2%
	Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 giạ	1.065,8	2,4%	5,3%	6,6%	-17,6%	-16,4%	-15,2%
	Dầu Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 Lbs	42,4	-1,3%	2,4%	0,8%	-12,1%	-24,1%	-27,7%
	Khô Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 tấn	344,1	5,3%	7,8%	9,9%	-10,6%	-9,3%	4,0%
	Ca Cao Hoa Kỳ	USD/tấn	8.293,0	2,1%	8,3%	8,1%	97,6%	142,6%	212,7%
	Cà phê Hoa Kỳ loại C	USD/100 Lbs	269,5	-1,6%	7,5%	8,6%	43,1%	84,4%	36,9%
	Cà phê London	USD/tấn	5.488,0	-0,9%	8,4%	11,9%	80,2%	122,9%	159,0%
	Đường Hoa Kỳ loại 11	USD/100 Lbs	22,6	-2,2%	-0,1%	16,8%	10,0%	-13,8%	14,2%
	Nước Cam	USD/100 Lbs	470,6	-1,0%	-4,1%	-5,2%	47,0%	34,6%	255,2%
	Bê	USD/100 Lbs	183,8	-0,2%	0,7%	-1,1%	5,8%	-0,2%	52,5%
	Heo nạc	USD/100 Lbs	82,0	0,0%	-0,2%	-0,2%	20,7%	2,3%	-10,5%
	Bê đực non	USD/100 Lbs	245,7	0,3%	0,7%	3,3%	10,1%	-3,6%	59,6%
Khác	Gỗ	USD/MBF	534,5	1,8%	4,6%	8,4%	-1,8%	6,1%	-14,8%
	Cotton Hoa Kỳ loại 2	USD/100 Lbs	72,7	-0,4%	-1,1%	3,9%	-10,2%	-16,6%	-32,5%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/09/2024

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Trung Quốc tung một loạt chính sách kích cầu

- **Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) vừa công bố gói kích thích kinh tế mạnh mẽ nhất kể từ đại dịch COVID-19, nhằm đối phó với áp lực giảm phát và hỗ trợ thị trường bất động sản đang gặp khó khăn.** Bên cạnh các chính sách tiền tệ, Trung Quốc đồng thời sử dụng chính sách tài khóa thông qua việc gửi trợ cấp tiền mặt một lần đến nhóm lao động có thu nhập thấp. Chi tiết về số tiền vẫn chưa được công bố nhưng dự kiến số tiền trợ cấp này sẽ được gửi đến cho hơn 5 triệu lao động tại Trung Quốc trước ngày Quốc Khánh 1/10.

Tóm tắt các chính sách kích cầu mới nhất từ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC)

Chính sách	Biện pháp	Chi tiết
Nới lỏng chính sách tiền tệ	• Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) tại các Ngân hàng Thương mại (NHTM)	• Giảm trực tiếp 50 điểm cơ bản; có khả năng sẽ tiếp tục giảm thêm từ 25 đến 50 điểm cơ bản trong các tháng còn lại trong năm.
	• Giảm lãi suất chính sách	• Giảm 20 điểm cơ bản đối với lãi suất chính sách hợp đồng mua lại đảo ngược 7 ngày (RRP)
	• Giảm lãi suất cho vay trung dài hạn như MLF và LPR	• Giảm 30 điểm cơ bản đối với lãi suất 1 năm đối với MLF, giảm 20 đến 25 điểm cơ bản đối với lãi suất LPR
	• Giảm lãi suất tiết kiệm	• Giảm 20 đến 25 điểm cơ bản đối với lãi suất gửi tiết kiệm trên mọi kỳ hạn nhằm bảo vệ biên lãi ròng của các NHTM.
Nới lỏng chính sách thị trường nhà ở	• Giảm lãi suất đối với các khoản vay thế chấp bất động sản hiện hữu	• Lãi suất cho vay đối với các khoản vay bất động sản hiện hữu sẽ được giảm về ngang với các khoản vay thế chấp mới. Nhìn chung, giảm 50 điểm cơ bản đối với lãi suất vay thế chấp bình quân.
	• Giảm mức đặt cọc tối thiểu/vốn ban đầu đối với các khoản vay mua nhà ở	• Tỷ lệ đặt cọc tối thiểu dành cho căn hộ thứ 2 sẽ giảm từ 25% về 15%. Các NHTM sẽ không phân biệt người mua nhà lần đầu với người không phải mua nhà lần đầu.
	• Tái cấp vốn vay cho các căn hộ cho thuê	• Tỷ lệ hỗ trợ sẽ được nâng từ 60% lên 100%.
	• Kéo dài các chính sách hỗ trợ trước đó	• Các biện pháp hỗ trợ cho các khoản vay quản lý bất động sản và việc gia hạn khoản vay chưa thanh toán của các nhà phát triển sẽ được kéo dài đến cuối năm 2026.
Chính sách hỗ trợ thị trường chứng khoán	• Thành lập cơ chế SWAP đối với các công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm và quỹ đầu tư	• PBOC sẽ thiết lập một cơ sở hoán đổi chứng khoán (SWAP) trị giá 500 tỷ nhân dân tệ; các công ty chứng khoán, bảo hiểm và quỹ có thể sử dụng trái phiếu, quỹ ETF cổ phiếu, v.v. làm tài sản thế chấp để hoán đổi trái phiếu chính phủ Trung Quốc (CGB) và tín phiếu ngân hàng trung ương với PBOC.
	• Tái cấp vốn vay dành cho mua lại cổ phiếu quỹ	• PBOC sẽ thiết lập một chính sách trị giá 300 tỷ nhân dân tệ để hỗ trợ chương trình mua lại cổ phiếu quỹ của các doanh nghiệp niêm yết. PBOC sẽ bảo lãnh các khoản vay của ngân hàng hỗ trợ chương trình mua lại cổ phiếu của các công ty. Lãi suất tái cho vay của PBOC được ấn định ở mức 1,75%, bao phủ 100% khoản gốc vay của ngân hàng, và lãi suất vay của ngân hàng đối với các công ty sẽ ấn định ở mức khoảng 2,25%.
	• Tăng giá trị thị trường chứng khoán	• CSRC sẽ công bố chỉ dẫn chi tiết đối với quản lý giá trị thị trường của các doanh nghiệp niêm yết
		• CSRC sẽ công bố các chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích các thương vụ M&A và tái cấu trúc doanh nghiệp
Gia tăng khả năng hỗ trợ nền kinh tế thực của NHTM		• NFRA sẽ hỗ trợ sáu NHTM trọng điểm nhằm nâng mức vốn bậc 1

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Các sự kiện quốc tế cần theo dõi trong tuần tới

Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
30/9/2024				
6:50 AM	**JP**	Sản Lượng Công Nghiệp MoM (Tháng 8)	3,1%	-0,9%
	JP	Doanh Số Bán Lẻ YoY (Tháng 8)	2,6%	2,3%
8:30 AM	**CN**	Chỉ Số PMI Sản Xuất của Trung Quốc theo NBS (Tháng 9)	49,1	49,5
	CN	Chỉ Số PMI Phi Sản Xuất của Trung Quốc theo NBS (Tháng 9)	50,3	50,4
8:45 AM	**CN**	Chỉ Số PMI Sản Xuất của Caixin Trung Quốc (Tháng 9)	50,4	50,5
	CN	Chỉ Số PMI Dịch Vụ của Caixin Trung Quốc (Tháng 9)	51,6	51,5
7:00 PM	**DE**	CPI Đức YoY (Tháng 9)	1,9%	1,7%
	DE	CPI Đức MoM (Tháng 9)	-0,1%	0,1%
1/10/2024				
12:00 AM	**US**	**Chủ tịch Fed Powell phát biểu**		
6:30 AM	**JP**	Tỷ Lệ Thất Nghiệp (Tháng 8)	2,7%	2,6%
6:50 AM	**JP**	Báo Cáo Tổng Kết Quan Điểm của Ngân Hàng Trung Ương Nhật Bản		
8:30 AM	**AU**	Doanh Số Bán Lẻ MoM (Tháng 8)	0,0%	0,4%
12:00 PM	**JP**	Niềm Tin Tiêu Dùng (Tháng 9)	36,7	35,0
4:00 PM	**EA**	CPI YoY (Tháng 9)	2,2%	2,0%
	EA	CPI Cơ Bản YoY (Tháng 9)	2,8%	0,0
	EA	Chỉ Số Giá Tiêu Dùng CPI MoM (Tháng 9)	0,10%	-0,30%
9:00 PM	**US**	**Chỉ Số PMI Sản Xuất của ISM (Tháng 9)**	**47,2**	**47,2**
	US	**Cơ Hội Việc Làm của JOLTS (Tháng 8)**	**7.673M**	**7.65M**
2/10/2024				
6:50 AM	**JP**	Chỉ Số Các Nhà Sản Xuất Lớn Tankan (Quý 3)	13,0	13,0
7:30 AM	**KR**	Chỉ Số PMI Sản Xuất của Nikkei Hàn Quốc (Tháng 9)	51,9	52,0
4:00 PM	**EA**	Tỷ Lệ Thất Nghiệp (Tháng 8)	6,40%	6,40%
7:15 PM	**US**	**Thay Đổi Việc Làm Phi Nông Nghiệp ADP (Tháng 9)**	**99K**	**110K**
3/10/2024				
7:30 PM	**US**	Đề Nghị Trợ Cấp Thất Nghiệp Lần Đầu	218K	220K
9:00 PM	**US**	Chỉ Số PMI Phi Sản Xuất của ISM (Tháng 9)	51,5	51,5
	US	Đơn Hàng Nhà Máy MoM (Tháng 8)	5,00%	0,10%
4/10/2024				
7:30 PM	**US**	**Bảng Lương Phi Nông Nghiệp (Tháng 9)**	**142K**	**145K**
	US	**Tỷ Lệ Thất Nghiệp (Tháng 9)**	**4,2%**	**4,3%**
	US	Tỷ Phần Tham Gia Lực Lượng Lao Động (Tháng 9)	62,7%	62,9%
	US	Thu Nhập Trung Bình Theo Giờ MoM (Tháng 9)	0,40%	0,30%
	US	Thu Nhập Trung Bình Theo Giờ (YOY) YoY (Tháng 9)	3,8%	3,3%

Vĩ mô toàn cầu – Các thông tin cần theo dõi

- Tâm điểm của tuần sẽ xoay quanh bài phát biểu của Chủ tịch Fed Powell sau khi chỉ số lạm phát yêu thích của Fed là chỉ số PCE hiện đã giảm mạnh hơn kỳ vọng của thị trường tại 2,2% YoY trong tháng 8 (tháng 7: 2,5% YoY) trong khi PCE cơ bản tăng nhẹ từ 2,6% lên 2,7%.
- Tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ dự kiến sẽ tăng trở lại trong tháng 9 với số lượng việc làm mới thể hiện qua Bảng lương phi nông nghiệp được kỳ vọng chỉ khoảng 145K, tương đối thấp so với các tháng trước đó.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics, Forex Factory và Bloomberg. Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Bảng tin về bối cảnh vĩ mô Việt Nam trong tuần qua

	BẢNG TIN
Tin tức vĩ mô	• Ngày 25/9/2024, **Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 2549/QĐ-BCT về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm ván sợi gỗ** có xuất xứ từ Vương quốc Thái Lan và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. • Trong tháng 8/2024, hầu hết các sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính của Việt Nam đều ghi nhận tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, cá tra mang về doanh số xuất khẩu lớn thứ 2 trong 8 tháng năm 2024 với tăng trưởng 9% YoY. • Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) đã tiết lộ rằng ước tính tăng trưởng tín dụng tính đến ngày 17 tháng 9 là 7,38% từ đầu năm đến nay (so với 5,73% trong năm 2023), trong đó tín dụng của các ngân hàng thương mại tư nhân (chiếm 45% thị phần) vượt trội hơn so với các ngân hàng quốc doanh và tăng trưởng 8,6%. Ngân hàng Nhà nước cũng lưu ý rằng việc giải ngân tín dụng cho các khoản vay tiêu dùng đã được cải thiện và tăng 4,93% từ đầu năm đến nay (so với -0,2% trong năm 2023), phản ánh sự phục hồi kinh tế. • Bộ Tài chính đã công bố ước tính sơ bộ về giải ngân vốn đầu tư công trong giai đoạn 9T2024 với đà tăng trưởng mạnh mẽ trong tháng 8 đã không kéo dài sang tháng 9. Giải ngân tháng Chín hơi thấp hơn so với tháng Tám (-4% MoM), và do đó tỷ lệ giải ngân lũy kế từ đầu năm thấp hơn so với năm ngoái (đạt 47,3% kế hoạch của Thủ tướng so với 47,7% cùng kỳ năm 2023), đồng thời mức suy giảm vẫn duy trì ở khoảng ~10% YoY.
Tin tức chính sách	• Theo thông tin từ hội nghị tuần trước về các biện pháp hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, các ngân hàng thương mại hiện đang đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét gia hạn các Thông tư, nhằm giúp các ngân hàng đối phó với tác động hậu quả của bão Yagi lên lĩnh vực ngân hàng. Các giám đốc ngân hàng thương mại đồng thời yêu cầu nới lỏng quy định về dự phòng (hiện tại là 100% dự phòng cho các khoản nợ tái cấu trúc) và một cơ chế xử lý nợ xấu (do Nghị quyết 42 hết hiệu lực vào tháng 12 năm 2023, và không có hướng dẫn thay thế trong Luật các Tổ chức tín dụng mới 2024). Ngân hàng Nhà nước đã thừa nhận các vấn đề này và có thể xem xét điều chỉnh, nhưng chúng tôi nghĩ rằng có khả năng sẽ chỉ quy định cho các nghĩa vụ nợ bị ảnh hưởng bởi bão Yagi.
Tin tức khác	• Tập đoàn Novaland báo cáo khoản lỗ hơn 7.300 tỷ đồng sau kiểm toán, trái ngược với khoản lãi 345 tỷ đồng được báo cáo trước đó. Nguyên nhân chính của khoản lỗ là do trích lập dự phòng cho tiền thuê đất và tiền sử dụng đất dựa trên giá đất năm 2017 cho dự án Nam Rạch Chiếc.

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Lãi suất liên ngân hàng tăng trở lại về vùng 4%

- Trong tuần qua, **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)** tiếp tục cấp thanh khoảng cho kênh liên ngân hàng với khoảng 67,36 nghìn tỷ đồng thông qua hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP), tăng mạnh so với khoảng 1,5 nghìn tỷ đồng được bơm vào trong tuần trước.
- Lãi suất liên ngân hàng sau khi giảm mạnh về vùng 3,5% trong tuần trước đã dần tăng trở lại quanh mốc 4% theo RRP; tương đồng với diễn biến cấp thanh khoản mạnh mẽ thông qua RRP của NHNN.
- **Tính đến ngày 27/09, tỷ giá niêm yết bán tại Vietcombank ghi nhận 24.760, tương ứng với mất giá tính từ đầu năm tiếp tục tăng nhẹ lên 1,39% từ mức 1,31% vào tuần trước.** Nhìn chung, tỷ giá đã dần trở nên ổn định sau chuỗi ngày hạ nhiệt liên tiếp kể từ cuối tháng 7 năm nay cũng như thị trường đã dần phản ánh hết thông tin liên quan đến động thái hạ lãi suất của Fed đến từ kỳ họp tháng 9 vừa qua.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY

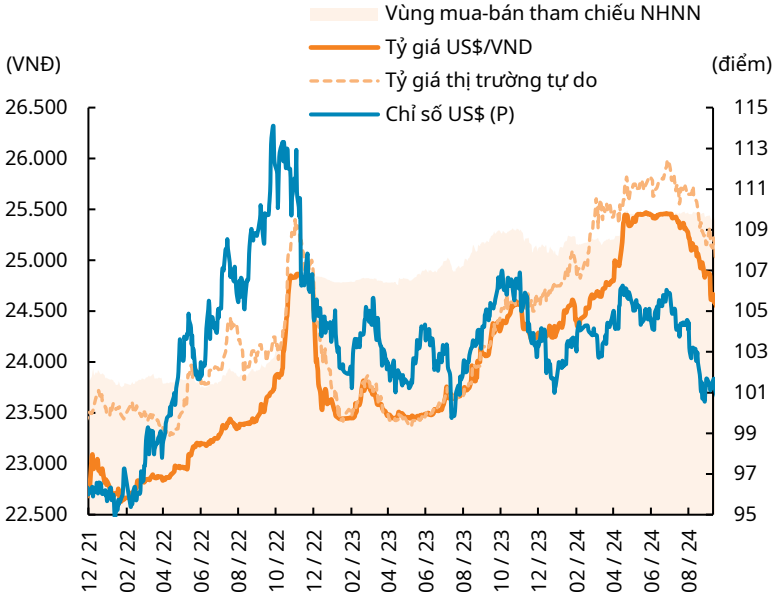

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 27/09/2024

Tỷ giá duy trì ổn định sau khi liên tục hạ nhiệt từ tháng 7

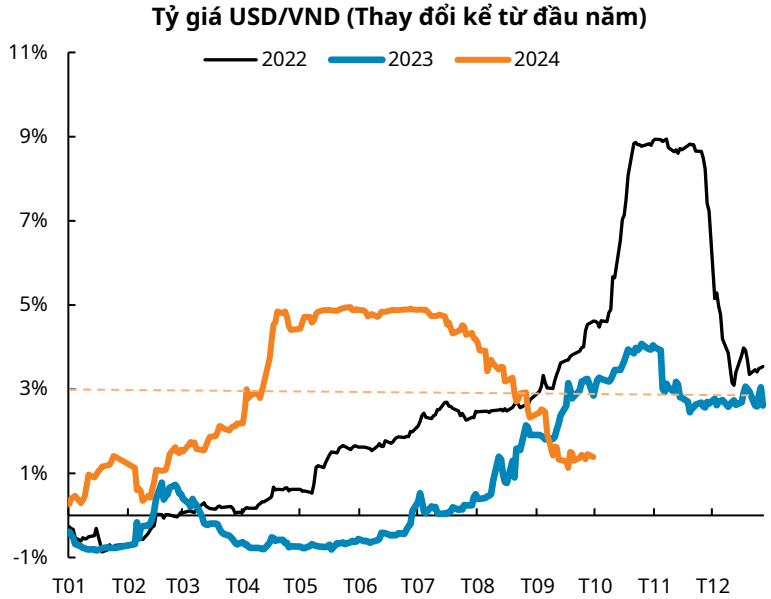

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/09/2024

Lãi suất LNH bật tăng trở lại nhưng vẫn giữ quanh mức 4%

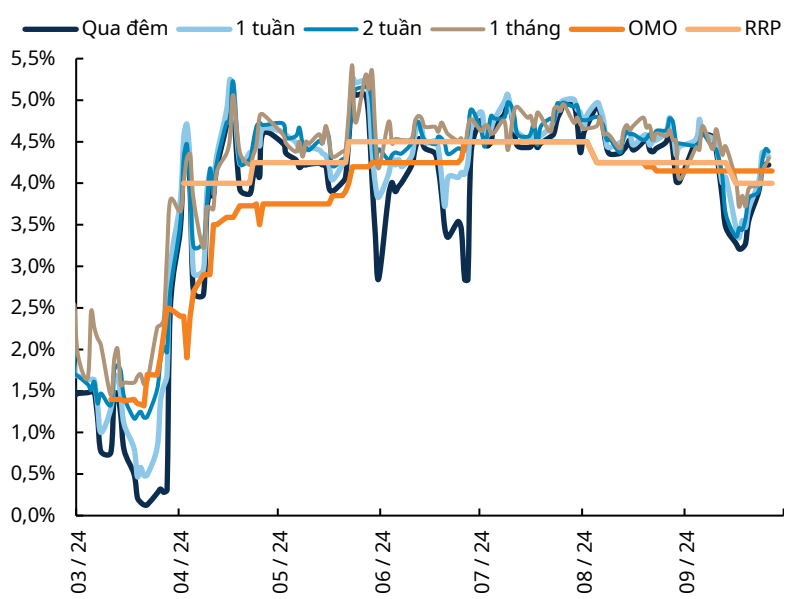

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 26/09/2024

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
  - **Trong ngày 25/09, Kho bạc Nhà nước đã huy động thành công 9.650 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 77% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt 2,38x.** Kết quả đấu thầu như sau: 10 năm (7.500 tỷ đồng), 15 năm (2.150 tỷ đồng).
  - Tính đến ngày 25/09, Kho bạc Nhà nước đã thành công huy động gần 271,1 nghìn tỷ đồng thông qua kênh TPCP, đạt gần 67,8% kế hoạch của năm 2024.
  - Trong buổi đấu thầu vừa qua, lợi suất trúng thầu giảm nhẹ khoảng 2 điểm cơ bản. Cụ thể cho từng kỳ hạn là: 10 năm (2,66%, -2 bps), 15 năm (2,86%, -2 bps).
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu tiếp tục giảm nhẹ đối với toàn bộ các kỳ hạn.** Cụ thể, kết quả giao dịch lợi suất của các kỳ hạn như sau: 1 năm (1,85%, -0,4 bps); 2 năm (1,863%, -0,8 bps); 5 năm (1,908%, -4,2 bps); 7 năm (2,153%, -0,9 bps); 10 năm (2,663%, -0,2 bps); 15 năm (2,86%, -0,7 bps); 20 năm (2,967%, không đổi); 30 năm (3,16%, -1,3 bps).

Giá trị trúng thầu từ buổi đấu thầu gần nhất

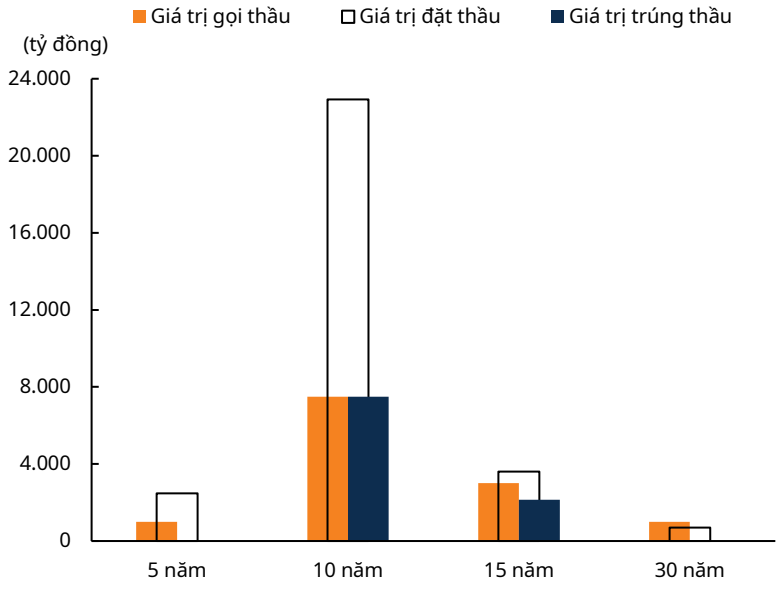

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 25/09/2024

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp

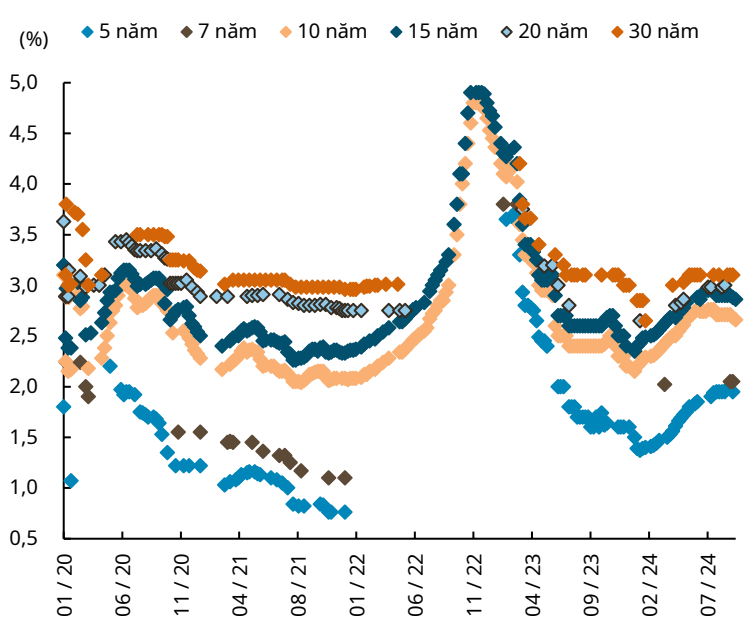

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 25/09/2024

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp

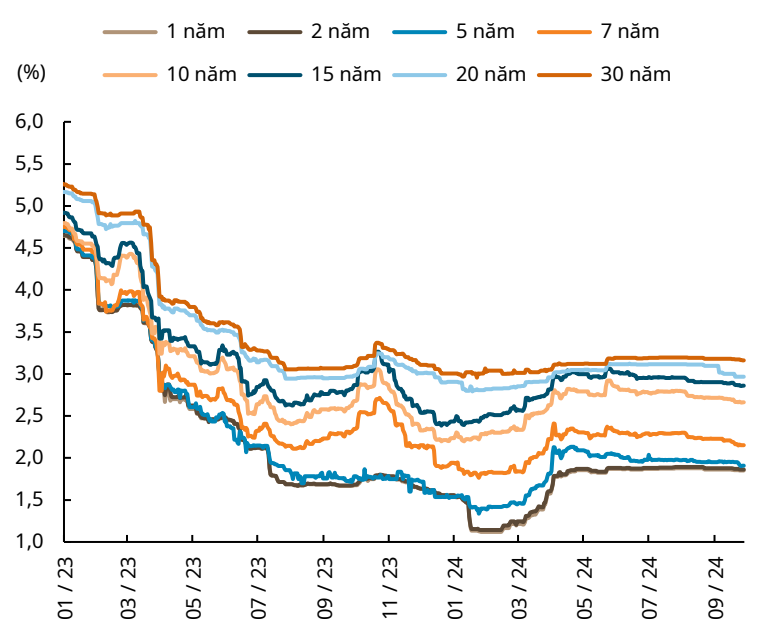

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 27/09/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá VN-Index dựa trên P/E 12 tháng gần nhất

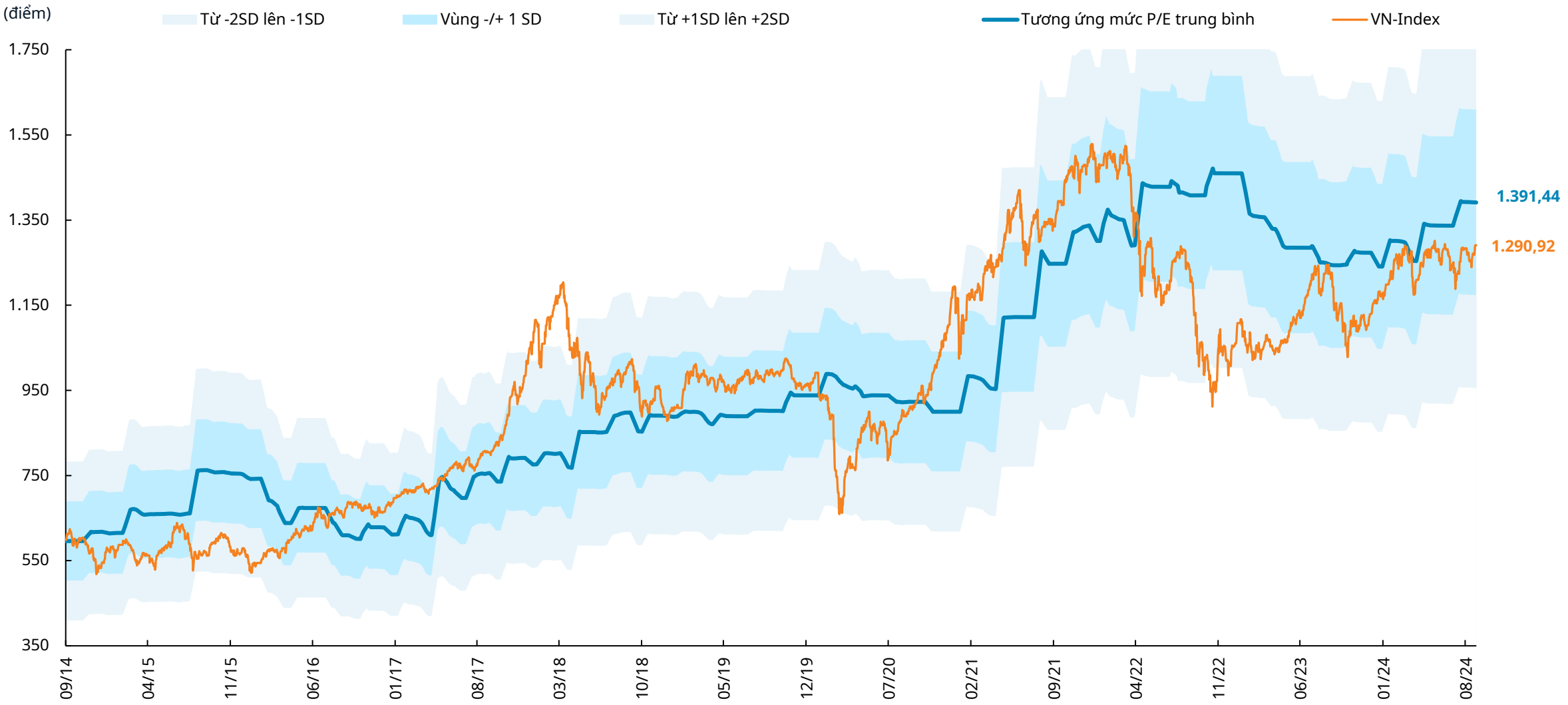

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/09/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Áp lực chốt lời trở lại khi VN-Index tiệm cận vùng 1.300 điểm

- **Trong tuần qua, VN-Index ghi nhận tuần tăng điểm thứ hai liên tiếp với mức tăng gần 19 điểm và đóng cửa tại 1.290,92 (+1,48% WoW).**
- Tuy vậy, diễn biến phân hóa giữa các nhóm ngành càng trở nên hiện hữu khi riêng nhóm Ngân hàng đã đóng góp hơn 16 điểm đối với đà tăng chung của VN-Index. Trong khi đó, các nhóm ngành còn lại gần như không có sự thay đổi đáng kể trong bối cảnh VN-Index đã có tuần giao dịch bùng nổ và chinh phục vùng đỉnh ngắn hạn mới tại 1.290 điểm.
- Theo một số thống kê tổng quan, hiện chỉ có hơn 40% cổ phiếu niêm yết tại sàn HOSE giao dịch trên vùng trung bình giá 200 ngày (MA200) gần nhất. Diễn biến tương tự có thể áp dụng với rổ cổ phiếu thuộc VN30 khi ghi nhận khoảng gần 20 cổ phiếu giao dịch trên vùng MA200 nhưng chủ yếu vẫn xoay quanh các cổ phiếu Ngân hàng lớn như VCB, BID, TCB, và STB.
- **Triển vọng đối với tuần giao dịch tiếp theo:**
  - VN-Index tiếp tục gặp áp lực chốt lời ngay khi tiến đến vùng cản tâm lý 1.300 điểm song áp lực chốt lời vẫn chưa thực sự mạnh mẽ.
  - Trong ngắn hạn, chúng tôi kỳ vọng VN-Index sẽ trở lại kiểm định vùng hỗ trợ tại 1.280 điểm trước khi một lần nữa chinh phục vùng cản 1.300 điểm.
  - Tuy vậy, áp lực chốt lời trong trung và dài hạn thể hiện qua góc nhìn phân tích kỹ thuật vẫn còn hiện hữu tại vùng kháng cự hợp lưu với vùng trống giá trên các khung thời gian lớn và dự kiến sẽ xoay quanh phạm vi 1.300 điểm đến 1.330 điểm.

Hiệu suất giao dịch theo ngành

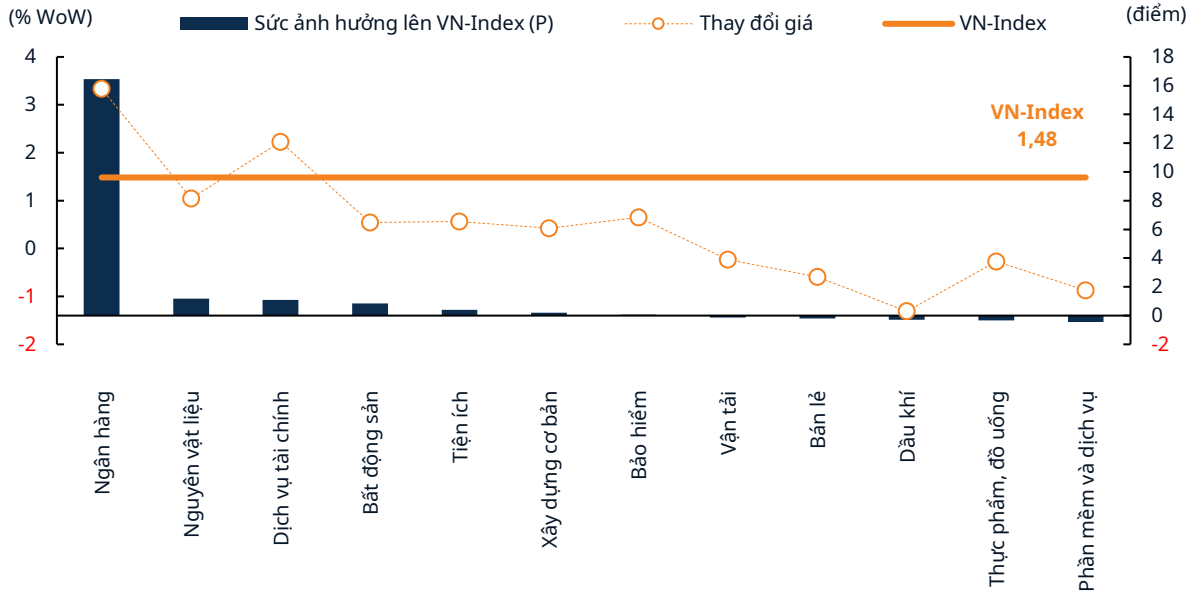

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/09/2024

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index trong tuần qua

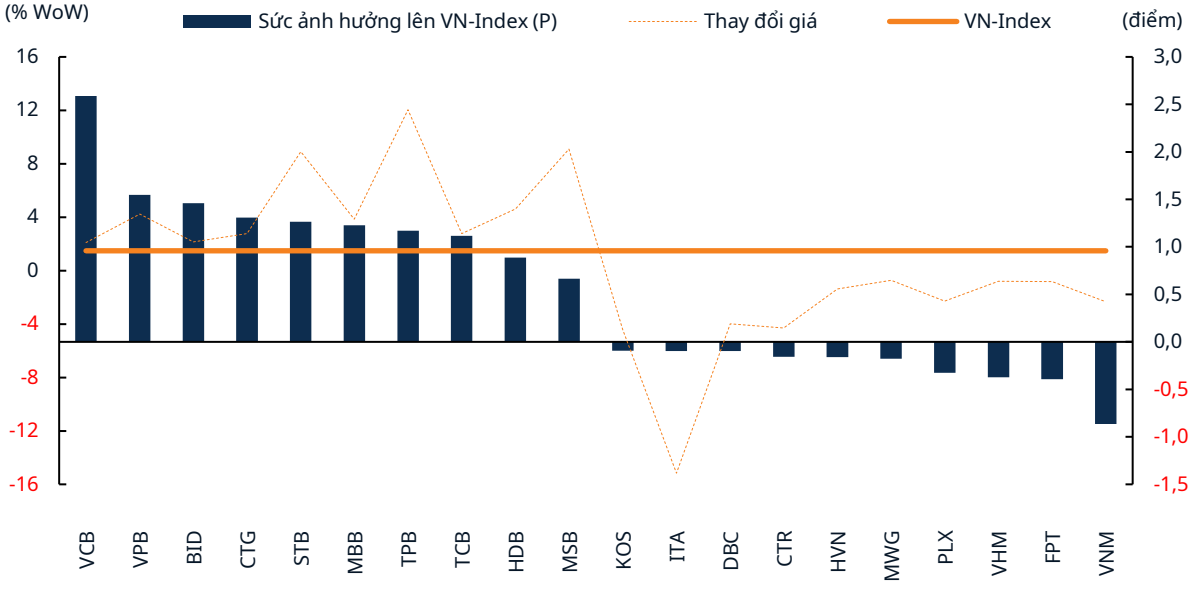

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 27/09/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Thanh khoản bùng nổ sau khi VN-Index nỗ lực lập đỉnh mới

- **Thanh khoản bùng nổ trong tuần giao dịch mang tính lịch sử của thị trường Việt Nam khi một lần nữa VN-Index trở lại vùng cản tâm lý 1.300 điểm.** Cụ thể, giá trị giao dịch (GTGD) khớp lệnh bình quân mỗi phiên đạt khoảng 16 nghìn tỷ đồng (+21% WoW) và đồng thời ghi nhận tuần giao dịch có GTGD lớn nhất kể từ cuối tháng 7.
- Điểm nhấn của tuần qua có lẽ xoay quanh động thái bán ròng có phần khiêm tốn của khối ngoại khi ghi nhận bán ròng 0,48 nghìn tỷ đồng và nâng lượng bán ròng kể từ đầu năm lên 65,63 nghìn tỷ đồng. **Trong đó, lượng bán ròng chủ yếu xoay quanh động thái thoái vốn của cổ đông chiến lược Commonwealth Bank of Australia (CBA) đối với cổ phiếu VIB với thương vụ bán thỏa thuận hơn 148 triệu cổ phiếu, tương ứng gần 2,7 nghìn tỷ đồng.**
- Bên cạnh đó, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục mua ròng 1,18 nghìn tỷ đồng, nâng lượng mua ròng kể từ đầu năm lên 66,46 nghìn tỷ đồng và kéo dài chuỗi mua ròng sang bốn tuần liên tiếp.
- Ở chiều ngược lại, nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước tiếp tục bán ròng 0,7 nghìn tỷ đồng trong tuần qua; đồng thời nâng mức bán ròng kể từ đầu năm lên -0,83 nghìn tỷ đồng. Riêng đối với Tự doanh, nhóm này bán ròng 624 tỷ đồng; bán mạnh đối với BWE, EVF và MBB trong khi mua ròng đối với VIB và TCB.
- Ở một khía cạnh khác, **các quỹ ETF tiếp tục rút ròng khoảng 1,4 tỷ đồng trong tuần qua, với mức rút ròng kể từ đầu năm gần như không đổi với tuần trước tại 18,7 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 27/09**; đáng chú ý, đây là tuần ghi nhận mức rút ròng thấp nhất kể từ tháng 11/2023. Phần lớn lượng rút ròng này được ghi nhận từ Fubon FTSE (-66,4 tỷ đồng) và SSIAM VNFinlead (-33,6 tỷ đồng) trong khi DCVFMVN Diamond ghi nhận mua ròng hơn 114 tỷ đồng.

Lũy kế mức mua/bán ròng từ 2024 theo nhóm nhà đầu tư

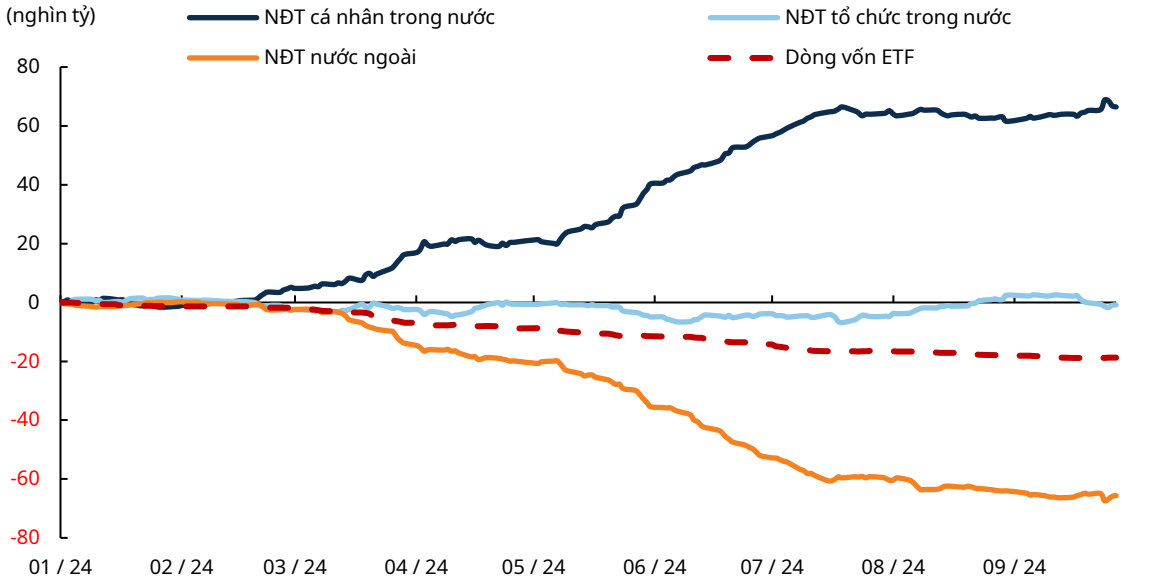

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật tới 27/09/2024

Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành ở 12 tuần gần nhất

Phân ngành công nghiệp GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	6/9/2024	13/9/2024	20/9/2024	27/9/2024	
VN-Index				**77%**	21%
Ngân hàng				92%	77%
Dịch vụ tài chính				77%	-5%
Bất động sản				62%	-1%
Nguyên vật liệu				62%	8%
May mặc và trang sức				38%	14%
Vận tải				38%	26%
Dầu khí				31%	7%
Xây dựng cơ bản				31%	13%
Bán lẻ				23%	-9%
Phần mềm và dịch vụ				15%	-20%
Thực phẩm, đồ uống				8%	-1%
Bảo hiểm				8%	-11%
Tiện ích				8%	-4%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. **Quy tắc đánh giá của chúng tôi:** Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33,33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh của tuần qua

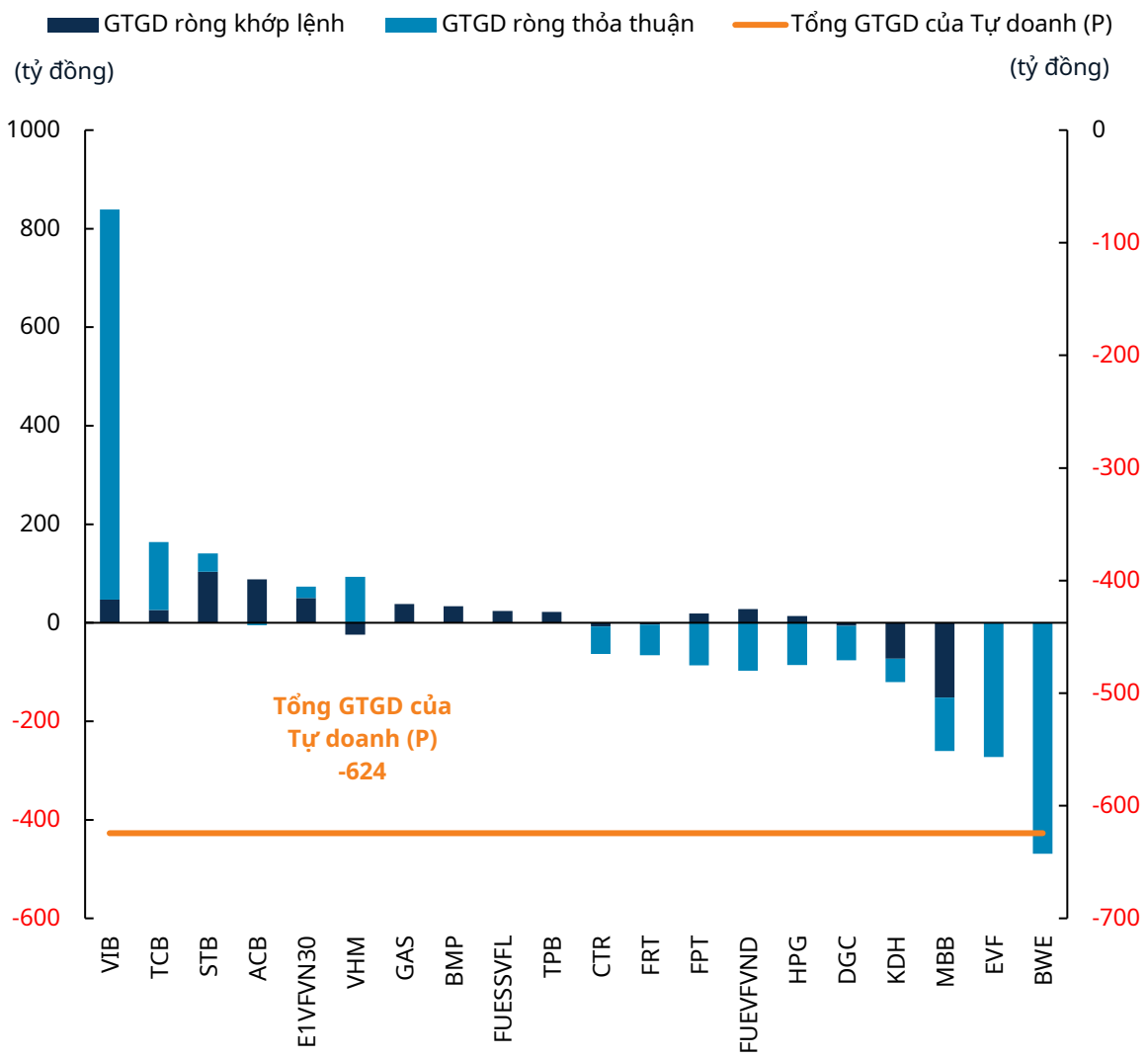

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 27/09/2024

Top giá trị giao dịch ròng của Khối ngoại của tuần qua

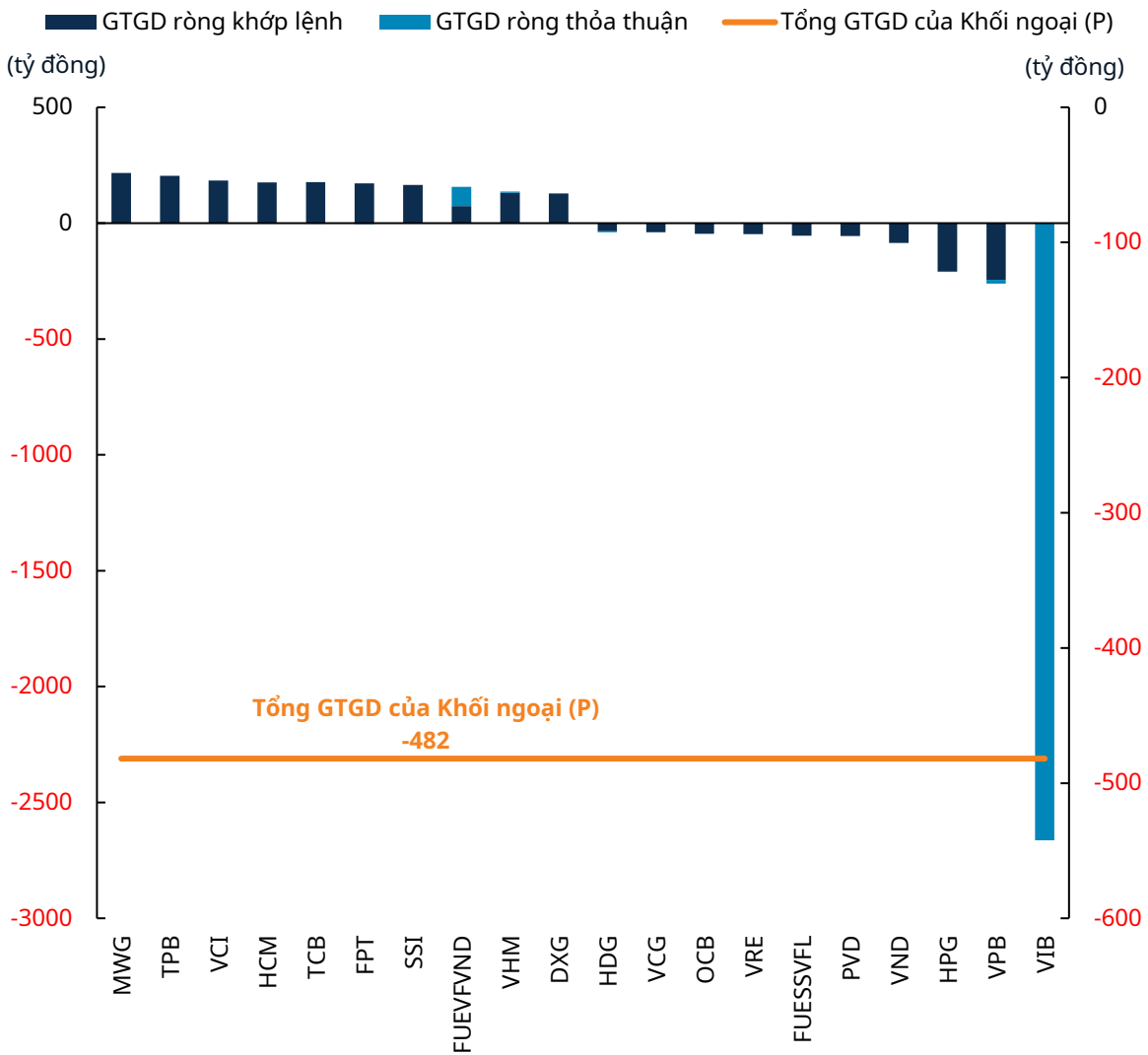

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 27/09/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		**5.304.875**	**1.290,92**	**1.305,02**	**1.037,46**	**-0,04**	**1,48**	**0,81**	**11,9**	**15,6**	**1,7**	**12,2**	**17,07**	**23,63**
VN30 Index		**3.727.398**	**1.352,57**	**1.361,20**	**1.050,32**	**0,13**	**2,00**	**2,29**	**15,7**	**12,5**	**1,7**	**14,6**	**20,47**	**15,07**
VN70 Index		**1.032.309**	**1.940,45**	**2.031,02**	**1.490,69**	**0,04**	**2,11**	**0,84**	**18,1**	**17,3**	**1,6**	**10,0**	**14,47**	**33,85**
VNFinLead Index		**2.255.759**	**2.140,28**	**2.157,03**	**1.702,58**	**0,74**	**4,14**	**5,33**	**15,0**	**9,0**	**1,4**	**15,2**	**19,59**	**10,12**
Ngân hàng	VCB	516.991	92.500	98.200	80.300	0,00	2,10	1,09	5,35	15,5	2,8	20,0	23,4	6,6
	BID	285.592	50.100	56.700	35.096	0,20	2,14	1,01	27,16	12,5	2,2	19,1	17,2	12,8
	CTG	198.690	37.000	37.550	24.834	1,65	2,78	6,17	33,37	9,8	1,5	16,0	26,6	3,4
	TCB	170.490	24.200	25.000	14.550	0,41	2,76	6,84	48,47	7,9	1,2	16,6	21,1	1,4
	VPB	156.695	19.750	22.100	17.800	0,77	4,22	3,95	**-5,95**	13,0	1,2	9,8	25,4	4,6
	MBB	136.373	25.700	26.150	17.150	0,00	3,84	5,33	38,92	6,3	1,4	23,4	23,2	0,0
	ACB	115.686	25.900	26.400	18.435	**-0,38**	0,97	5,93	35,39	7,0	1,5	23,9	30,0	0,0
	HDB	82.425	28.300	28.600	16.850	0,00	4,62	4,43	62,64	6,8	1,6	27,0	19,0	1,0
	LPB	82.355	32.200	33.000	13.600	0,31	3,21	2,88	143,02	9,7	2,1	26,1	0,5	4,5
	STB	63.343	33.600	33.650	26.150	2,60	8,91	13,51	5,66	7,7	1,3	18,0	23,8	6,2
	VIB	57.646	19.350	21.368	14.957	**-0,26**	4,88	5,74	15,80	7,5	1,5	21,4	14,6	**-9,6**
	SSB	48.195	17.000	22.888	15.200	0,00	2,72	**-12,37**	**-26,43**	10,4	1,5	15,2	0,1	4,9
	TPB	44.649	16.900	17.200	13.250	1,50	12,04	14,25	13,93	9,4	1,3	14,2	30,0	0,0
	SHB	40.287	11.000	12.450	10.050	2,33	5,26	3,77	**-0,90**	5,0	0,7	15,4	3,0	27,0
	EIB	34.553	18.550	19.112	15.187	3,63	7,85	5,86	9,36	15,6	1,5	9,9	2,6	27,4
	MSB	32.760	12.600	12.750	9.308	0,00	9,09	10,30	19,13	6,9	1,0	14,9	29,8	0,2
	OCB	29.713	12.050	13.333	10.125	0,42	3,43	1,47	7,11	10,2	1,0	10,2	21,0	1,0
Dịch vụ tài chính	SSI	54.164	27.600	31.461	22.771	0,36	2,09	2,70	3,94	18,1	2,1	12,2	43,0	57,1
	VND	23.139	15.200	21.653	14.250	1,00	1,33	**-1,62**	**-20,81**	8,7	1,2	15,0	12,8	87,2
	HCM	21.682	30.800	31.300	18.339	**-0,81**	0,49	5,48	40,76	21,4	2,0	10,6	46,9	2,1
	VCI	20.623	35.900	42.308	26.154	**-0,69**	4,06	**-2,87**	8,53	26,2	2,3	9,6	19,2	80,8
	VIX	17.356	11.900	14.131	8.598	**-0,42**	5,78	0,00	7,87	17,7	1,3	7,7	3,3	96,7
	FTS	13.919	45.500	48.000	25.000	0,44	1,56	4,24	58,46	24,7	3,6	15,2	30,4	69,6
	SHS	12.685	15.600	20.900	14.000	**-0,64**	1,96	**-4,88**	**-11,86**	11,7	1,2	10,5	8,4	40,6
	EVF	8.627	12.250	19.500	11.050	0,00	6,52	**-0,41**	2,08	17,1	1,0	6,2	0,9	14,1
Bảo hiểm	BVH	32.143	43.300	47.400	38.200	0,00	0,46	**-5,04**	2,12	17,2	1,4	8,6	26,5	22,5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 27/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Nguyên vật liệu	HPG	166.622	26.050	29.950	20.773	0,00	1,56	1,17	8,13	14,9	1,5	10,8	22,4	26,6
	GVR	144.000	36.000	38.200	18.200	-1,10	1,12	3,00	81,36	51,2	2,8	5,6	0,5	12,5
	DGC	43.675	115.000	134.000	81.100	-0,09	-0,26	4,93	25,55	15,5	3,3	23,1	18,1	30,9
	DCM	20.250	38.250	40.050	27.550	-0,91	0,92	2,96	17,69	15,1	2,1	12,9	7,4	41,6
	DPM	14.088	36.000	39.950	30.550	0,00	1,41	2,86	-2,17	21,6	1,2	5,4	9,1	39,9
	HSG	12.905	20.950	25.600	16.250	0,72	3,20	0,72	4,75	11,4	1,2	10,6	11,1	37,9
	PHR	8.076	59.600	65.900	43.600	-1,32	1,71	5,11	24,17	19,8	2,1	11,4	18,1	30,9
	NKG	5.753	21.850	27.150	17.150	0,23	1,86	0,23	10,63	14,0	1,0	7,4	11,1	38,9
	AAA	3.727	9.750	12.350	7.900	-1,22	-1,81	-4,41	5,98	8,0	0,7	8,3	2,1	97,9
	DHC	2.998	37.250	47.400	36.850	0,00	-0,93	-2,36	-16,85	12,4	1,6	13,0	39,3	10,8
Bất động sản	VHM	188.980	43.400	47.500	34.600	-2,25	-0,80	4,83	-3,77	8,0	1,0	13,1	13,8	36,2
	VIC	162.506	42.500	48.700	38.700	-0,23	0,47	-5,76	-5,97	43,0	1,2	3,0	10,2	37,8
	BCM	73.796	71.300	74.000	50.700	-0,97	0,00	1,57	7,70	29,6	3,9	14,8	2,1	31,9
	VRE	44.083	19.400	27.500	17.350	1,04	-0,51	-3,24	-25,67	9,8	1,1	11,9	21,9	27,1
	KDH	35.421	38.950	39.500	27.200	-1,02	2,91	3,87	32,24	54,8	2,3	4,4	37,7	12,3
	NVL	22.524	11.550	18.700	10.900	0,00	1,32	-13,16	-25,48	11,3	0,6	5,3	4,7	44,3
	KBC	21.531	28.050	35.900	24.600	0,36	5,25	4,86	-13,96	81,2	1,2	1,5	20,7	28,3
	PDR	19.908	22.800	29.724	16.950	0,00	2,70	4,83	7,62	36,7	1,8	5,0	6,8	43,2
	VPI	16.988	58.500	58.800	43.583	0,00	4,09	2,27	32,45	92,8	4,4	4,9	1,7	47,3
	NLG	16.064	41.750	45.850	31.000	-0,71	0,36	2,58	20,66	40,1	1,7	4,4	49,8	0,2
	SIP	15.264	72.500	86.000	43.913	-0,14	-1,36	-4,61	36,68	15,0	3,9	28,2	2,6	46,4
	DXG	11.928	16.550	20.300	12.550	1,53	6,09	3,44	-8,97	64,8	1,1	1,7	18,1	32,0
	CEO	8.701	16.100	23.810	13.500	0,00	2,55	-3,59	-22,45	53,9	1,4	3,5	4,8	44,2
	KOS	8.183	37.800	40.300	36.250	0,27	-4,42	-5,26	-4,06	344,8	3,5	1,0	0,3	48,8
	SJS	7.825	68.700	77.000	54.100	1,78	1,78	5,05	10,99	36,8	2,8	7,9	0,7	49,3
	SZC	6.713	37.300	45.000	27.749	-0,27	1,36	0,00	26,91	23,2	2,3	11,6	2,8	17,2
	HHV	5.230	12.100	15.609	10.400	0,00	0,41	2,11	-14,68	13,4	0,6	4,5	8,2	40,8
	HDC	4.762	26.700	29.217	23.130	1,52	7,44	4,62	3,56	34,7	2,1	6,4	2,7	46,3
	ASM	3.480	9.400	12.136	7.355	0,97	1,95	-0,63	3,50	18,1	0,6	3,6	12,5	36,5
	AGG	2.612	16.700	25.600	15.840	-0,60	0,91	-6,44	-34,15	8,2	0,9	11,6	1,1	48,9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 27/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	REE	31.417	66.700	72.000	46.087	**-1,04**	0,15	**-2,77**	21,95	17,5	1,8	10,5	49,0	0,0
	VGC	19.683	43.900	60.900	39.650	**-0,11**	1,50	**-1,79**	**-8,35**	24,7	2,4	10,0	4,0	45,1
	IDC	19.173	58.100	64.300	43.100	**-1,36**	**-0,68**	**-4,75**	21,04	10,4	4,0	38,0	24,5	24,5
	GEX	18.392	21.400	25.300	18.700	0,47	2,15	**-0,93**	4,39	17,2	1,4	8,3	8,0	42,0
	HUT	14.726	16.500	24.500	16.000	**-0,60**	**-1,79**	**-4,07**	**-28,88**	214,1	1,7	1,0	1,6	48,4
	CTR	14.527	127.000	162.000	72.600	**-3,27**	**-4,30**	0,00	67,11	27,7	7,8	29,6	9,7	39,3
	DIG	14.149	23.200	33.950	19.050	0,65	1,98	**-7,39**	**-9,02**	371,2	1,8	0,5	5,0	44,0
	TCH	12.061	18.050	21.650	10.550	**-0,55**	1,98	**-3,73**	47,35	15,5	1,3	8,8	5,7	45,3
	VCG	11.194	18.700	23.482	17.250	**-1,32**	0,27	**-2,35**	**-12,73**	13,9	1,4	11,3	8,1	40,9
	BMP	10.093	123.300	126.900	80.400	**-3,14**	0,57	17,65	41,72	10,8	3,8	34,6	84,3	15,8
	HDG	9.485	28.200	32.000	22.455	**-2,25**	**-1,74**	**-0,18**	8,46	15,5	1,6	10,5	14,8	35,2
	PC1	9.066	29.150	31.950	22.174	0,00	0,87	0,52	9,55	26,7	1,7	6,6	14,5	35,6
	CTD	6.445	64.500	78.100	47.200	**-0,15**	4,54	0,47	36,51	21,7	0,8	3,6	46,7	2,3
	BCG	5.809	6.600	9.182	6.280	0,61	2,80	**-2,80**	**-28,12**	64,7	0,6	0,9	1,3	48,7
Thực phẩm và Đồ uống	VNM	148.387	71.000	76.400	63.300	0,42	**-2,34**	**-3,40**	**-7,31**	17,1	4,3	25,6	51,8	48,2
	MSN	109.171	75.900	81.000	57.200	**-0,26**	1,61	**-1,17**	**-0,13**	160,1	3,2	2,3	28,2	20,8
	SAB	75.030	58.500	73.300	52.000	0,69	1,92	2,63	**-21,05**	17,8	3,1	17,6	60,8	39,2
	VHC	16.161	72.000	80.000	55.750	**-0,69**	**-0,55**	**-2,04**	12,06	20,5	1,9	9,1	29,8	70,2
	KDC	15.070	52.000	62.624	50.300	3,38	**-2,26**	**-5,97**	**-12,45**	N/A	2,2	**-6,1**	21,7	28,3
	HAG	11.261	10.650	15.050	7.700	0,00	**-0,47**	1,43	35,67	5,8	1,4	27,3	2,4	46,6
	DBC	9.705	29.000	32.304	16.518	**-1,69**	**-3,97**	3,20	51,16	34,4	1,7	5,0	11,1	37,9
	SBT	9.701	13.100	14.950	10.700	**-0,76**	**-1,13**	3,15	**-10,27**	16,2	1,0	6,4	22,1	77,9
	PAN	4.930	23.600	25.700	16.950	**-0,63**	**-0,21**	3,74	13,73	10,3	1,0	10,3	18,4	30,6
Tiện ích	GAS	172.186	73.500	89.902	72.059	**-0,68**	0,55	**-10,22**	**-15,67**	15,2	2,5	16,1	1,9	47,1
	POW	30.561	13.050	15.300	10.450	0,00	3,98	**-2,97**	11,06	29,2	1,0	3,3	3,9	45,1
	BWE	10.150	46.150	47.500	35.088	**-0,65**	**-1,81**	3,71	14,37	19,1	2,0	11,2	12,5	36,5
	NT2	5.700	19.800	26.500	18.900	**-0,50**	**-0,75**	**-0,50**	**-19,51**	123,3	1,4	1,0	13,3	35,7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 27/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Dầu khí	PLX	57.113	44.950	51.700	32.200	**-1,43**	**-2,28**	**-8,45**	22,98	15,6	2,2	14,7	18,0	2,0
	PVS	19.453	40.700	47.300	34.300	**-1,21**	**-2,16**	1,24	8,82	17,9	1,5	8,4	22,6	26,4
	PVD	15.148	27.250	34.300	24.850	**-1,62**	0,74	**-0,55**	8,13	28,8	1,0	4,4	13,7	35,3
	PVT	10.040	28.200	32.000	21.227	**-1,05**	1,08	**-1,91**	15,10	10,4	1,4	14,8	13,2	35,8
May mặc và trang sức	PNJ	33.453	99.000	109.600	72.600	**-0,30**	0,20	**-3,88**	25,16	16,1	3,1	20,6	49,0	0,0
	PTB	4.123	61.600	76.500	53.900	**-0,32**	**-0,65**	**-7,09**	4,41	12,6	1,5	11,9	25,0	0,0
Bán lẻ	MWG	98.679	67.500	70.200	37.000	**-1,17**	**-0,74**	**-3,30**	29,81	44,8	3,8	8,9	46,9	2,1
	FRT	24.251	178.000	188.000	85.700	**-0,56**	**-0,50**	**-0,67**	109,41	N/A	14,6	**-3,3**	37,0	12,0
	DGW	10.272	47.300	53.769	35.269	**-0,84**	**-1,25**	1,13	7,88	27,3	3,7	14,1	26,4	22,6
Phần mềm và dịch vụ	FPT	195.992	134.200	139.700	75.043	**-0,07**	**-0,81**	1,28	63,66	27,5	7,1	27,6	46,2	2,8
	CMG	9.710	51.000	74.600	34.865	**-0,97**	**-2,11**	**-2,86**	31,89	28,9	3,6	12,8	42,9	7,1
Vận tải	VJC	56.923	105.100	119.400	94.000	0,00	**-0,10**	1,06	5,42	61,5	3,5	5,9	13,5	16,6
	GMD	24.373	78.500	86.500	58.400	**-0,51**	0,13	**-2,24**	22,66	20,0	2,6	13,3	48,9	0,1
	SCS	7.496	79.000	95.000	63.000	0,00	**-2,23**	**-4,59**	18,44	12,6	5,8	47,4	23,9	6,1
	CII	4.941	15.500	19.800	14.100	0,00	1,97	**-0,32**	**-19,69**	13,1	0,8	6,0	5,9	34,1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 27/09/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)
One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.
Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong

Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.
41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Securities (USA) Inc.

810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.

555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM

Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil

Tel: 55-11-2789-2100

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia
District 8, Treasury Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54
Jakarta Selatan 12190
Indonesia

Tel: 62-21-5088-7000

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.
6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC
7F, Le Meridien Building
3C Ton Duc Thang St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC

#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd

2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Beijing Representative Office

2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Shanghai Representative Office

38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Ho Chi Minh Representative Office

7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited

Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST
Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098
India

Tel: 91-22-62661336